TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE ——————— Số: 21/2020/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Mỏ Cày Nam, ngày 06 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 388/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị Ngọc L, sinh năm: 1982 và ông Trương Minh V, sinh năm 1984; cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Mỹ T (Nguyễn Thị T), sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Minh V và bà Lữ Thị Ngọc L số tiền mua bán tài sản còn thiếu 470.318.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi triệu ba trăm mười tám ngàn đồng), trả khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà Tòa án ban hành có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi chậm trả đến giai đoạn hòa giải, ông Trương Minh V và bà Lữ Thị Ngọc L không yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ T trả.

Các đương sự không còn yêu cầu, thỏa thuận nào khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 11.406.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm lẻ sáu ngàn đồng), ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện liên đới chịu.

Hoàn trả cho bà Lữ Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí 12.008.000 đồng (Mười hai triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008143, ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho bà Lữ Thị Ngọc L và ông Trương Minh V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008273, ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *CC.THADS huyện Mỏ Cày Nam;*
- *Lưu HS.*

Thẩm phán

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng